

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2019/HS-ST;
Ngày: 19/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Đẹp;

Ông Trần Tấn Thanh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phạm Vân Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố M, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố M, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Ngô Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố M, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 60/2019/HS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Phạm Quốc Đ, sinh ngày 07/6/1992, tại Tiền Giang; Nơi thường trú: Số 05, đường N, Phường 1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Chỗ ở: Tổ 10, khu phố 7, Phường 3, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Dân tộc: Kinh; Q tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Tuyết M; Tiền án: không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 17/2/2009, Đ bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 08/2009/HSST). Bị cáo phạm tội khi chưa thành niên nên đương nhiên xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/01/2019, tạm giam từ ngày 24/01/2019. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Có mặt).

2. Nguyễn Vinh Q, sinh ngày 23/10/1991, tại Tiền Giang; Nơi cư trú và chỗ ở: Số 10B, đường L, Phường 1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Dân tộc: Kinh; Q tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn V và bà Dương Thị Mỹ D; Tiền án: 03 lần, cụ thể:

+ Ngày 12/5/2014, Q bị Tòa án nhân dân thành phố M xử phạt 09 tháng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 93/2014/HSST).

+ Ngày 14/11/2014, Q bị Tòa án nhân dân thành phố M xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của bản án số 93/2014/HSST ngày

12/5/2014 là 09 tháng tù treo, Q phải chấp hành hình phạt chung là 01 năm 06 tháng tù giam (Bản án số 210/2014/HSST).

+ Ngày 28/6/2017, Q bị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử phạt 18 tháng tù giam về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” (Bản án số 59/2017/HSPT). Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/5/2018, đến nay chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/01/2019, tạm giam từ ngày 24/01/2019. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố M (Có mặt).

* Người bị hại: **Nguyễn Hiếu L**, sinh năm 1989 (xin vắng mặt)

Trú tại: Số 147 tổ 7, ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Đương Thị Mỹ D**, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Trú tại: số 05, đường Nguyễn, phường 1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang;

* Người làm chứng: **Lê Trường Phục Q**, sinh năm 1980(vắng mặt)

Trú tại: Số 199/17/11 đường T, Phường 4, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI D V U Á N:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 21/01/2019, bị cáo Phạm Quốc Đ nhờ bị cáo Nguyễn Vinh Q chở đi công việc bằng xe mô tô biển số 63AS-04789 nhưng không nói rõ cho bị cáo Q biết đi đâu. Khi đến đoạn trước cửa hàng xăng dầu số 31, đường Q lộ 50, thuộc Khu phố 1, Phường 9, thành phố M; bị cáo Đ nhìn thấy xe mô tô biển số 63F4-4120 của anh Nguyễn Hiếu L, sinh năm 1989, ngụ số 147, ấp T, xã T, thành phố M dựng bên hông cửa hàng xăng dầu không người trông coi nên bị cáo Đ yêu cầu Q dừng xe lại và kêu bị cáo Q chạy đi lát sau quay lại; bị cáo Đ bước xuống xe đi bộ vào trong cửa hàng xăng dầu lén lút đến lấy trộm xe mô tô biển số 63F4-4120 của anh L và dẫn xe ra đường Q lộ 50 cách nơi dựng xe khoảng 30 mét. Lúc này, bị cáo Q chạy xe đến, bị cáo Đ ngồi lên xe mô tô vừa trộm được; bị cáo Q điều khiển xe mô tô biển số 63AS-04789 và dùng chân đẩy xe mô tô biển số 63F4-4120 về phòng trọ của bị cáo Đ tại Tổ 10, Khu phố 7, Phường 3, thành phố M. Tại đây, bị cáo Đ nói rõ cho bị cáo Q biết bị cáo Đ vừa trộm xe mô tô biển số 63F4-4120 và nhờ bị cáo Q tìm chỗ bán thì bị cáo Q đồng ý; bị cáo Đ dùng kèm tháo kiếng, móc khóa kim loại và бага xe, bị cáo Q dùng thanh kim loại (điều) tháo biển số xe rồi gắn lại. Đến khoảng 04 giờ cùng ngày, bị cáo Q điều khiển xe mô tô biển số 63AS-04789 chở bị cáo Đ đến gặp anh Lê Trường Phục Q, sinh năm 1980, địa chỉ số 199/17/11, đường T, Phường 4, thành phố M; bị cáo Q nhờ Q bán dùm xe mô tô do bị cáo Đ trộm được, Q yêu cầu được nhìn thấy xe nên bị cáo Q chở bị cáo Đ quay lại phòng trọ của bị cáo Đ chạy xe mô tô vừa trộm được đến cho Q xem. Lúc này, Q điện thoại báo cho Công an xã Đ, thành phố M biết nên khi bị cáo Đ, bị cáo Q đem xe lại thì bị lực lượng Công an kiểm tra bắt giữ cùng tang vật.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 63F4-4120; 01 xe mô tô hiệu Dream màu đen biển số 63F4-4120, có số máy 1066364, số khung 106364 và phụ tùng xe gồm 01 бага xe mô tô; 02 kính chiếu hậu xe mô tô; 01 móc khóa kim loại, dùng để gắn vào xe mô tô; 01 miếng kim loại hình lục giác, rỗng ruột, ở giữa hình tròn thường gọi là “ốc”; 03 miếng kim loại hình tròn, rỗng ruột ở giữa, hình tròn thường gọi là “long đèn”. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố M đã trả cho bị hại Nguyễn Hiếu L.

- 01 xe mô tô hiệu Honda C50 biển số 63AS-047.89; số máy: SS50EE119554; số khung: SS50E325144 (Xe của bà Dương Thị Mỹ D, sinh năm 1964 - mẹ ruột và ngụ cùng địa chỉ bị cáo Q - đứng tên sở hữu. Bà D cho bị cáo Q mượn làm phương tiện đi lại nhưng không biết bị cáo Q thực hiện tội phạm). 01 cây kèm kim loại có tay cầm được bọc nhựa màu vàng; 01 thanh kim loại hình chữ “L”, rỗng ruột ở hai đầu, thường gọi là “điếu” (Đây là công cụ mà bị cáo Đ, bị cáo Q sử dụng tháo phụ tùng xe mô tô trộm của anh L). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố M đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M chờ xử lý.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số 723 ngày 22/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố M kết luận: Xe mô tô hiệu Dream màu đen biển số 63F4-4120, số máy 1066364, số khung 106364 trị giá 9.900.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 69/QĐ-VKS ngày 17/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố M đã truy tố bị cáo Phạm Q Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, truy tố bị cáo Nguyễn Vinh Q về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, quy định tại Điểm đ, Khoản 2, Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đ từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù, căn cứ điểm đ, Khoản 2, Điều 323 điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Q từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù. Về xử lý vật chứng căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bà D 01 xe mô tô hiệu Honda C50 biển số 63AS-047.89; số máy: SS50EE119554; số khung: SS50E325144 và tịch thu tiêu hủy 01 cây kèm kim loại có tay cầm được bọc nhựa màu vàng; 01 thanh kim loại hình chữ “L”, rỗng ruột ở hai đầu, thường gọi là “điếu”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận về hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội D bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, cùng các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 03 giờ ngày 21/01/2019 tại cửa hàng

xăng dầu số 31, Q lộ 50, Khu phố 1, Phường 9, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; bị cáo Phạm Quốc Đ lén lút trộm cắp xe mô tô biển số 63F4-4120 trị giá 9.900.000 đồng của anh Nguyễn Hiếu L. Bị cáo Nguyễn Vinh Q mặc dù biết rõ Đ trộm xe mô tô nhưng vẫn giúp bị cáo Đ tháo biển số xe và tìm nơi bán xe cho bị cáo Đ. Do đó, hành vi của bị cáo Đ đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và hành vi của bị cáo Q đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, quy định tại Điểm đ, Khoản 2, Điều 323 Bộ luật hình sự

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm bất hợp pháp đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, tỏ ý thức xem thường pháp luật, riêng bị cáo Q đã có 03 tiền án nay lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Tuy nhiên, xét thấy quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Q đang điều trị bệnh lao nên Tòa án có xem xét giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Nguyễn Hiếu L đã nhận lại xe mô tô bị mất trộm và các tài sản có liên quan nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường phần trách nhiệm dân sự nên Tòa ghi nhận.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô hiệu Honda C50 biển số 63AS-047.89; số máy: SS50EE119554; số khung: SS50E325144 của bà Dương Thị Mỹ D. Bà D cho bị cáo Đ mượn sử dụng làm phương tiện đi lại. Bà D không biết bị cáo Đ và bị cáo Q sử dụng xe này để thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại cho bà D.

- Tịch thu tiêu hủy 01 cây kèm kim loại có tay cầm được bọc nhựa màu vàng; 01 thanh kim loại hình chữ “L”, rỗng ruột ở hai đầu, thường gọi là “điếu”..

[6] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, nên Tòa án cân nhắc khi quyết định hình phạt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Phạm Quốc Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Quốc Đ 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 21/01/2019.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Vinh Q phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Căn cứ điểm đ, Khoản 2, Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vinh Q 03 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 21/01/2019.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự ; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Trả lại cho bà Dương Thị Mỹ D 01 xe mô tô hiệu Honda C50 biển số 63AS-047.89; số máy: SS50EE119554; số khung: SS50E325144.

- Tịch thu tiêu hủy 01 cây kèm kim loại có tay cầm được bọc nhựa màu vàng; 01 thanh kim loại hình chữ “L”, rỗng ruột ở hai đầu, thường gọi là “điều”.

Khi án có hiệu lực pháp luật

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/5/2019 giữa Công an Thành phố M và Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố M).

* Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q Hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP.M;
- Chi cục THADS TP.M;
- Bị cáo; bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu.

Nguyễn Huỳnh Trường